

Bản án số: 75/2021/HS-ST

Ngày: 15 - 6 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Dương Viết Vĩnh

Bà: Dương Thị Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giáp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Lưu Nguyên Vũ - Kiểm sát viên.

Từ ngày 11 tháng 6 năm 2021 đến ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2021/TLST-HS, ngày 08/4/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST-HS ngày 04/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/HSST-QĐ ngày 21/5/2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGHIÊM THỊ B**, sinh năm 1963; tên gọi khác: D.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 13, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở: xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nghề N: Tự do; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nghiêm Đình D (Đã chết) và bà La Thị S (Đã chết). Có chồng Nguyễn Văn L (Đã ly hôn năm 1990 và hiện nay đã chết) và có 01 con, sinh năm 1995.

Tiền án: Ngày 27/3/2017 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 15 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 21/8/2003 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 03 năm tù về tội “Môi giới mại dâm”; Ngày 16/9/2002 bị cáo bị Công an phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 200.000 đồng về hành vi không đăng ký tạm trú.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Ngô Thị Thu D, sinh năm 1990

Trú tại: Tổ 11, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Anh Dương Đình N, sinh năm 1980

Trú tại: Xóm R, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Công ty TNHH thương mại và dịch vụ H

Địa chỉ: Tổ 1, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình H – Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình H – Phó giám đốc.

(Có mặt tại phiên tòa).

4. Anh Đào Văn Đ, sinh năm 1976

Trú tại: Xóm 10, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Hoàng Đình H, sinh năm 1962

Nơi đăng ký HKTT: Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Anh Dương Đình C, sinh năm 1983

Trú tại: Tổ 5, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 30 phút ngày 30/12/2020, tổ công tác của Công an huyện P kiểm tra nhà nghỉ Hoa Mai thuộc Xóm T, xã T, huyện P (do ông Hoàng Đình H làm chủ) phát hiện tại phòng nghỉ 206 có 01 đôi nam nữ đang mua bán dâm với nhau là Ngô Thị Thu D, sinh năm 1990, trú tại tổ 11, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên và Dương Đình N, sinh năm 1980, trú tại Xóm R, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Qua kiểm tra phòng 207 phát hiện Vũ Mạnh H, sinh năm 1984, trú tại tổ 26, phường Trung Thành, thành phố T, H khai là bạn của N và cùng N đi mua dâm. Vật chứng thu giữ: 01 bao cao su đã qua sử dụng của N, 01 bao cao su đã sử dụng trong nền nhà vệ sinh phòng nghỉ; 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu “OK” vỏ màu đỏ ở nền phòng nghỉ; 01 bao cao su nhãn hiệu “OK” chưa sử dụng ở trên giường; số tiền 200.000 đồng của N; số tiền 60.000 đồng của H; thu giữ của Ngô Thị Thu D 01 xe mô tô nhãn hiệu Air Blade màu đen BKS: 15D1-

13741 và 01 đăng ký xe mô tô BKS 15D1-13741; 01 chứng minh thư nhân dân của D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme và số tiền 180.000 đồng. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản sự việc, niêm phong vật chứng, đưa D, H và N cùng vật chứng về trụ sở Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P để điều tra làm rõ.

Tại Công an huyện P, D, N và H khai nhận việc mua bán dâm được với nhau là qua môi giới của NGHIÊM THỊ B, sinh năm 1963, trú tại tổ 13, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (hiện B đang thuê trọ và mở quán bán hàng nước giải khát ở xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên). Cụ thể: Khoảng 14 giờ ngày 30/12/2020, H cùng N đi từ xã Diềm Thụy đến xã Thượng Đình mục đích để tìm chỗ mua dâm. H đèo N đi theo quốc lộ 37 hướng lên thành phố T thì gặp một quán cà phê bên phải đường thuộc xóm Huống xã Thượng Đình, huyện P nên cả hai đi vào. Chủ quán là B đang thuê trọ nhà anh Dương Đình C, sinh năm 1983 tại xóm Huống, xã Thượng Đình, huyện P để bán hàng giải khát. H và N đi vào quán gọi 02 cốc cà phê để uống, trong lúc ngồi uống cà phê thì H và N đã hỏi B có gái bán dâm không, B nói là có nH chỉ có một người và không làm tại nhà B mà phải đi nhà nghỉ, mỗi lần nhân viên bán dâm thì B thu 300.000 đồng một lượt. H và N đồng ý mua dâm chung một người, H trả tiền cho B gồm 2 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng thì B trả lại 60.000 đồng (tiền mua dâm là 300.000 đồng, tiền 02 cốc cà phê là 40.000 đồng, tổng hết 340.000 đồng); N trả tiền mua dâm cho B là 01 tờ tiền mệnh giá 500.000đ thì B trả lại 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng. Sau khi nhận tiền, B gọi điện cho Ngô Thị Thu D là gái bán dâm đến để bán dâm cho H và N thì được D đồng ý. Sau đó, N xin số điện thoại của B và cùng H đi lên nhà nghỉ Hoa Mai để thuê phòng mua dâm. N thuê phòng 206, H thuê phòng 207 để đợi gái bán dâm đến rồi nhắn tin số phòng cho B. Đến khoảng 14 giờ 45 phút cùng ngày, D điều khiển xe mô tô đến quán của B thì được B chỉ dẫn đến nhà nghỉ Hoa Mai để bán dâm. Khi đó, B đã trả trước tiền công bán dâm cho D là 190.000 đồng là tiền bán dâm cho N, B giữ lại 410.000 đồng rồi nói với D là khách đang ở phòng 206, D cầm tiền để trong túi áo khoác và đi vào phòng 206. Do không có bao cao su để bán dâm nên D đã đi mua 01 hộp bao cao su gồm 03 chiếc nhãn hiệu “OK” vỏ màu đỏ hết số tiền 10.000 đồng rồi đi vào phòng 206 để bán dâm cho N, cả hai tự cởi quần áo, nằm lên giường, N lấy bao cao su D đưa cho để đeo vào dương vật, sau đó cả hai giao cấu với nhau được khoảng 2 phút thì N xuất tinh và bỏ bao cao su ra rồi vứt vào nền phòng tắm. D bán dâm cho N xong mặc quần áo lại và đi sang phòng 207 để bán dâm cho H nH H chê D xấu nên không mua dâm sau đó D quay lại phòng 206 để bán dâm cho N lần hai vì N đã trả tiền cho B. N và D ở trong phòng tự cởi quần, không cởi áo, khi dương vật của N cương cứng thì lấy bao cao su đeo vào dương vật và thực hiện việc giao cấu với D. Khi N và D đang giao cấu được khoảng 05 phút thì tổ công tác của Công an huyện P đến kiểm tra, phát hiện và lập biên bản sự việc như đã nêu trên.

Căn cứ lời khai của D, N và H, hồi 19 giờ 15 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã khám xét khẩn cấp đối với quán bán hàng giải khát của NGHIÊM THỊ B tại xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, tạm giữ 01 sổ hộ khẩu của NGHIÊM THỊ B để bên trong tủ nhựa kê ở phòng khách; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade không gắn BKS, kiểm tra bên trong cốp xe phát hiện 01 túi xách giả da màu đen bên trong có 01 Chứng minh nhân dân và số tiền là 515.000 đồng, số tiền này theo B khai 105.000 đồng là tiền của B, còn số tiền 410.000 đồng là tiền N và H trả khi môi giới bán dâm, sau khi D bán dâm xong cho N và H sẽ trả thêm cho D 190.000 đồng nữa, còn lại 220.000 đồng D sẽ giữ lại cho bản thân vì đã môi giới cho D bán dâm. Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra đã bắt khẩn cấp đối với B.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành mở niêm phong, kiểm tra các điện thoại thu giữ của B và điện thoại của Ngô Thị Thu D, tại thư mục lịch sử cuộc gọi của các điện thoại phát hiện các cuộc gọi giữa B và Ngô Thị Thu D vào chiều ngày 30/12/2020 theo B và D khai là các cuộc gọi trao đổi trong việc B môi giới để cho D bán dâm cho N và H, phù hợp với lời khai của B, D, H và N.

Tại phiên tòa bị cáo NGHIÊM THỊ B khai nhận rõ hành vi phạm tội như lời khai tại cơ quan điều tra và bản cáo trạng mô tả.

Tại Bản cáo trạng số 52/CT-VKSPB, ngày 07/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo NGHIÊM THỊ B về tội: “Môi giới mại dâm”, theo khoản 1 Điều 328 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, trong phần tranh luận vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P đã trình bày lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo NGHIÊM THỊ B phạm tội: “Môi giới mại dâm”

Áp dụng: Khoản 1 Điều 328; khoản 4 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo NGHIÊM THỊ B từ 24 đến 30 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bao cao su đã qua sử dụng được niêm phong trong bì thư ký hiệu M3; 01 (một) bao cao su đã qua sử dụng được niêm phong trong bì thư ký hiệu M4; 02 (hai) vỏ bao cao su nhãn hiệu “OK” được niêm phong trong bì thư ký hiệu M7; 01 (một) bao cao su nhãn hiệu “OK” chưa qua sử dụng được niêm phong trong bì thư ký hiệu M5.

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu tím đen số imei: 87248 (năm số cuối) được niêm phong trong bì thư ký hiệu B1; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh, số imei 1: 66111 (năm số cuối), số imei 2: 66103 (năm số cuối) được niêm phong trong bì thư ký hiệu B; số tiền 180.000 đồng thu giữ của Ngô Thị Thu D và 410.000 đồng của NGHIÊM THỊ B.

Trả lại: bị cáo B 01 (một) túi giả da màu đen có dây đeo, mặt trước túi có chữ DBQLY đã qua sử dụng (được niêm phong trong hộp catton dán kín); 01

(một) sổ hộ khẩu số: 560261889 và 01 chứng minh thư nhân dân số: 090898566 đều mang tên NGHIÊM THỊ B và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade màu bạc xanh đen, không gắn biển kiểm sát, xe có đủ 02 gương chiếu hậu, số máy JF94E0036857, số khung: RLHJF6334LZ011465, D tích xi lanh 124,9, đăng ký lần đầu ngày 28/5/2020, đăng ký mới 28/5/2020, khi giao nhận xe không kiểm tra các bộ phận bên trong xe và sẫm lốp bên ngoài, xe cũ đã qua sử dụng. Trả lại cho anh Dương Đình N số tiền 200.000 đồng.

Tạm giữ số tiền thu giữ của bị cáo B còn lại là 105.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Giao cho Cơ quan Công an huyện P tiếp tục tạm giữ số tiền 60.000 đồng thu giữ của người khai tên là Vũ Mạnh H do chưa xác định được chủ sở hữu để giải quyết theo quy định pháp luật.

Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đúng người, đúng tội, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 30/12/2020, tại quán bán hàng nước giải khát của NGHIÊM THỊ B (tên gọi khác: D) thuộc xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, B đã có hành vi làm trung gian môi giới cho Ngô Thị Thu D bán dâm cho Dương Đình N và Vũ Mạnh H. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi N và D đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng nghỉ 206 nhà nghỉ Hoa Mai

thuộc Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên thì bị Công an huyện P phát hiện bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Môi giới mại dâm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 328 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật

Điều 328 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt để người khác thực hiện việc mua dâm, bán dâm, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại tới chính sách phòng chống tệ nạn xã hội, trật tự an toàn xã hội, thuần phong mỹ tục của dân tộc và là tác nhân gây ra nhiều căn bệnh xã hội nguy hiểm. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, là nguy hiểm cho xã hội NH vẫn cố tình thực hiện.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; mẹ đẻ bị cáo là bà La Thị S đã có thành tích tham gia kháng chiến được tặng bằng khen của chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy, bị cáo có nhân thân xấu, ngày 16/9/2002 bị cáo bị Công an phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 200.000 đồng về hành vi không đăng ký tạm trú; ngày 21/8/2003 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 03 năm tù về tội “Môi giới mại dâm” đến ngày 27/3/2017 bị cáo lại tiếp tục bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 15 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm” chưa được xóa án tích nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội với tội phạm cùng tính chất. Do vậy cần có một mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy bị cáo phạm tội nhằm mục đích thu lời bất chính nên cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo nộp sung quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 328 của Bộ luật hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xử lý vật chứng như sau:

Đối với vật chứng là 01 (một) bao cao su đã qua sử dụng được niêm phong trong bì thư ký hiệu M3; 01 (một) bao cao su đã qua sử dụng được niêm phong trong bì thư ký hiệu M4; 02 (hai) vỏ bao cao su nhãn hiệu “OK” được niêm phong trong bì thư ký hiệu M7; 01 (một) bao cao su nhãn hiệu “OK” chưa qua sử dụng được niêm phong trong bì thư ký hiệu M5 cần tịch thu tiêu hủy do không còn giá trị sử dụng.

Đối với vật chứng là: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh, số imei 1: 66111 (năm số cuối), số imei 2: 66103 (năm số cuối) được niêm phong trong bì thư ký hiệu B thu giữ của Ngô Thị Thu D; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu tím đen số imei: 87248 (năm số cuối) được niêm phong trong bì thư ký hiệu B1 của bị cáo NGHIÊM THỊ B, xác định các điện thoại trên bị cáo và chị D đều liên lạc vào hành vi mua bán dâm; số tiền 180.000 đồng thu giữ của Ngô Thị Thu D và 410.000 đồng của NGHIÊM THỊ B là tiền thu lời bất chính cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với vật chứng là: 01 (một) sổ hộ khẩu số: 560261889 và 01 chứng minh thư nhân dân số: 090898566 đều mang tên NGHIÊM THỊ B; (một) túi giả da màu đen có dây đeo, mặt trước túi có chữ DBQLY đã qua sử dụng (được niêm phong trong hộp catton dán kín) do không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo B quản lý, sử dụng. Trả lại cho anh Dương Đình N số tiền 200.000 đồng.

Tạm giữ số tiền thu giữ của bị cáo B còn lại là 105.000 đồng để đảm bảo thi hành án cho bị cáo B.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade màu bạc xanh đen, không gắn biển kiểm sát, xe có đủ 02 gương chiếu hậu, số máy JF94E0036857, số khung: RLHJF6334LZ011465, D tích xi lanh 124,9, đăng ký lần đầu ngày 28/5/2020, đăng ký mới 28/5/2020, khi giao nhận xe không kiểm tra các bộ phận bên trong xe và sẫm lốp bên ngoài, xe cũ đã qua sử dụng là xe bị cáo B mua lại của anh Đào Văn Đ và hiện Công ty TNHH thương mại và dịch vụ H nơi anh Đức mua xe ban đầu có thỏa thuận về việc cho B nợ lại công ty số tiền 10.950.000 đồng mua xe nên cửa hàng đang tạm giữ biển kiểm soát của chiếc xe trên, xác định chiếc xe không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại bị cáo B để tiếp tục đảm bảo thực hiện giao dịch dân sự đã thỏa thuận với Công ty TNHH thương mại và dịch vụ H. Trường hợp các bên có xảy ra tranh chấp có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

Đối với số tiền 60.000 đồng thu giữ của anh Vũ Mạnh H, quá trình điều tra triệu tập H không đến làm việc, N khai H là bạn mới quen nên không rõ tên tuổi địa chỉ cụ thể, cơ quan điều tra xác minh tại công an phường Trung Thành, thành phố T theo lời khai ban đầu của H thì xác định không có ai tên tuổi địa chỉ như H khai. Do vậy cần giao cho Cơ quan Công an huyện P tiếp tục tạm giữ số

tiền 60.000 đồng thu giữ của người khai tên Vũ Mạnh H do chưa xác định được chủ sở hữu để giải quyết theo quy định pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt bổ sung, án phí là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[7] Đối với người đàn ông khai nhận là Vũ Mạnh H có hộ khẩu thường trú tại tổ 26, phường Trung Thành, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi tiến hành ghi lời khai đã cho H về, sau triệu tập H đến làm việc thì H không có mặt, theo N khai H là bạn mới quen của N và không rõ về tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của H, qua xác minh tại Công an phường Trung Thành, thành phố T thì không có ai có tên, tuổi, địa chỉ như trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Dương Đình C cho NGHIÊM THỊ B thuê nhà để bán hàng giải khát, tuy nhiên Chung không biết việc B sử dụng vào việc môi giới mua bán dâm; chủ nhà nghỉ Hoa Mai là Hoàng Đình H đã cho N và H thuê phòng nghỉ 206 và 207 NH không biết việc H và N sử dụng vào mục đích mua dâm nên không xem xét xử lý đối với Chung và Hiền.

Đối với hành vi bán dâm của Ngô Thị Thu D và hành vi mua dâm của anh Dương Đình N, Công an huyện P đã ra quyết định xử lý hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với D và N là đúng quy định.

[8] Quyết định tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự, ra Quyết định tạm giam bị cáo NGHIÊM THỊ B với thời hạn là 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

[9] Về án phí: Cần buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 328; khoản 4 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự. Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo NGHIÊM THỊ B (Tên gọi khác: D) phạm tội “Môi giới mại dâm”.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt NGHIÊM THỊ B (Tên gọi khác: D) **24** (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/12/2020.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung (phạt tiền) NGHIÊM THỊ B (Tên gọi khác: D) 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nộp sung quỹ Nhà nước.

4. Quyết định tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Ra Quyết định tạm giam bị cáo NGHIÊM THỊ B (Tên gọi khác: D) với thời hạn là 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

5. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bao cao su đã qua sử dụng được niêm phong trong bì thư ký hiệu M3; 01 (một) bao cao su đã qua sử dụng được niêm phong trong bì thư ký hiệu M4; 02 (hai) vỏ bao cao su nhãn hiệu “OK” được niêm phong trong bì thư ký hiệu M7; 01 (một) bao cao su nhãn hiệu “OK” chưa qua sử dụng được niêm phong trong bì thư ký hiệu M5.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh, số imei 1: 66111 (năm số cuối), số imei 2: 66103 (năm số cuối) được niêm phong trong bì thư ký hiệu B; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IteL màu tím đen số imei: 87248 (năm số cuối) được niêm phong trong bì thư ký hiệu B1 và số tiền 590.000 đồng (Năm trăm chín mươi nghìn đồng).

Trả lại bị cáo NGHIÊM THỊ B: 01 (một) sổ hộ khẩu số: 560261889 và 01 chứng minh thư nhân dân số: 090898566 đều mang tên NGHIÊM THỊ B; 01 (một) túi giả da màu đen có dây đeo, mặt trước túi có chữ DBQLY đã qua sử dụng (được niêm phong trong hộp catton dán kín) và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade màu bạc xanh đen, không gắn biển kiểm sát, xe có đủ 02 gương chiếu hậu, số máy JF94E0036857, số khung: RLHJF6334LZ011465, D tích xi lanh 124,9, đăng ký lần đầu ngày 28/5/2020, đăng ký mới 28/5/2020, khi giao nhận xe không kiểm tra các bộ phận bên trong xe và sảm lớp bên ngoài, xe cũ đã qua sử dụng. Trả lại anh Dương Đình N số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Tạm giữ số tiền thu giữ của bị cáo B còn lại là 105.000 đồng (Một trăm linh năm nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án cho bị cáo B.

Giao cho Cơ quan Công an huyện P tiếp tục tạm giữ số tiền 60.000 đồng thu giữ của người khai tên Vũ Mạnh H để giải quyết theo quy định pháp luật.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/4/2021 và ủy nhiệm chỉ số 71 ngày 22/4/2021 giữa Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

6. Về án phí: Buộc bị cáo NGHIÊM THỊ B (Tên gọi khác: D) phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo NGHIÊM THỊ B (Tên gọi khác: D); người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH thương mại và dịch vụ H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (chị Ngô Thị Thu D, anh Dương Đình N, anh Đào Văn Đ) báo cho biết có quyền kháng

cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục T.H.A DS huyện P;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Giang